



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ THỌ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2021/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Xét Tờ trình số 5443/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Phú Thọ: trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học công lập; Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh; Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp tỉnh và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (*sau đây gọi là cơ sở giáo dục công lập*).

b) Trẻ em, học sinh, học viên đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

d) Không áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập tự chủ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên; cơ sở giáo dục công lập tự chủ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 2. Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Nguyên tắc thực hiện

a) Cơ sở giáo dục công lập không được thỏa thuận các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác ngoài các khoản thu dịch vụ theo quy định của Nghị quyết này.

b) Thực hiện thu, chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; trước khi thu phải có dự toán thu, chi từng khoản đảm bảo tính đúng, tính đủ bù đắp chi phí, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của cha mẹ học sinh; các cơ sở giáo dục công lập phải thỏa thuận với cha mẹ học sinh và báo cáo cấp có thẩm quyền để quyết định mức thu; các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định mức thu không vượt quá mức thu tối đa theo quy định tại Nghị quyết này.

c) Khi thực hiện các khoản thu đối với những nội dung được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải được giảm trừ sau khi tính toán số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của đơn vị.

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập

a) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định mức thu:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (đồng)
1	Trông trẻ, học sinh ngoài giờ	Học sinh/giờ	4.000
2	Vệ sinh trường, lớp học, khu vệ sinh chung cho học sinh.	Học sinh/tháng	25.000
3	Trông giữ xe		
a)	<i>Xe đạp</i>	Học sinh/tháng	15.000
b)	<i>Xe đạp điện</i>	Học sinh/tháng	20.000
b)	<i>Xe máy, xe máy điện 2 bánh</i>	Học sinh/tháng	30.000

b) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức thu:

STT	Nội dung
1	Tiền ăn bán trú (<i>bao gồm: Bữa chính, bữa phụ, bữa ăn sáng; chi phí chất đốt, điện nước, thuê người nấu ăn, phục vụ các bữa ăn</i>)
2	Đồ dùng phục vụ học sinh bán trú
3	Học 2 buổi/ngày đối với các lớp không bắt buộc, trường chưa bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định.
4	Làm quen Ngoại ngữ, Tin học đối với trẻ mầm non; tự chọn đối với học sinh lớp 1, lớp 2; dạy thêm, học thêm đối với trung học cơ sở, trung học phổ thông.
5	Tiền điện sử dụng điều hòa, nóng lạnh cho học sinh
6	Tiền nước uống cho học sinh
7	Sổ liên lạc điện tử; phô tô đề thi, kiểm tra
8	Thẻ học sinh, may quần áo đồng phục, xe đưa đón học sinh
9	Tiền thuê bảo vệ
10	Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa: Giáo dục kỹ năng sống, giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất, tư vấn tâm lý học đường; Tiếng Anh tăng cường; phát triển năng khiếu; thi cấp chứng chỉ Tin học, Ngoại ngữ; hoạt động trải nghiệm.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và ban hành hướng dẫn cụ thể đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục không quy định mức thu.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Trung tâm CNTT và TT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, CTHĐND (MT).

CHỦ TỊCH



Bùi Minh Châu

